

# THỰC TRẠNG KĨ NĂNG HỌC TỪ XA CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC HUẾ

Lê Nam Hải

*Đại học Huế*

Kĩ năng (KN) học của sinh viên (SV) nói chung, SV học từ xa nói riêng rất đa dạng. Chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu 17 loại KN cần thiết nhất.

Khảo sát thực tiễn được chúng tôi thực hiện vào 3 tháng hè năm 2007. Nghiệm thể nghiên cứu là 1654 SV, chủ yếu là năm thứ nhất và năm hai, một số SV năm ba và năm thứ tư (năm tốt nghiệp). SV học từ xa phần lớn là giáo viên (GV) và cán bộ quản lý (CBQL) giáo dục các cấp phổ thông đi học, cư trú trên 10 địa bàn trải dài từ miền Trung, Tây Nguyên, Đông và Tây Nam Bộ có những hoàn cảnh sinh hoạt và đặc điểm tâm sinh lý khác nhau, đang theo học tại Trung tâm Đào tạo từ xa - Đại học Huế.

Đối với GV và cán bộ quản lý, chúng tôi tiến hành trưng cầu ý kiến 124 người gồm các GS, PGS, TS, GVC, GV của các trường Đại học, Cao đẳng, Viện nghiên cứu trong nước trực tiếp tham gia giảng dạy và biên soạn tài liệu phục vụ đào tạo từ xa, lấy ý kiến đánh giá, nhận xét của họ về các KN học của SV, mức độ hiện có của các KN đó, các yếu tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến quá trình hình thành các KN.

Nghiên cứu được thực hiện thông qua sự kết hợp giữa các phương pháp nghiên cứu định lượng (phỏng vấn qua phiếu hỏi) và định tính (quan sát, phỏng vấn sâu, thảo luận, trao đổi). Các kết quả được xử lý trên chương trình SPSS.

Mức độ KN học của SV học đại học theo phương thức từ xa được chúng tôi nghiên cứu theo các nội dung biểu hiện sau:

- Quan niệm của SV và GV - CBQL về các KN cần thiết để học từ xa.
- Mức độ hiện có các KN cần thiết trên.

## **1. Đánh giá mức độ cần thiết của KN học từ xa**

Về các KN cần thiết để học từ xa có hiệu quả, chúng tôi đưa ra 17 KN thành phần thăm dò ý kiến SV, GV - CBQL nhằm đánh giá mức độ cần thiết của các KN đó. Kết quả thăm dò được thể hiện qua bảng sau.

**Bảng 1:** Các KN cần thiết theo nhận định của SV và GV, CBQL để việc học theo phương thức từ xa có hiệu quả

| STT                             | Các KN                                                                            | ĐTB mức độ cần thiết của các KN |         |      |         |
|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------|------|---------|
|                                 |                                                                                   | GV, CBQL                        |         | SV   |         |
|                                 |                                                                                   | ĐTB                             | Thứ bậc | ĐTB  | Thứ bậc |
| 1                               | Lập kế hoạch học tập, tự học trong ngày, tuần, tháng                              | 4.01                            | 2       | 3.86 | 4       |
| 2                               | KN sắp xếp công việc để thực hiện kế hoạch                                        | 3.98                            | 3       | 3.68 | 9       |
| 3                               | KN tìm, tra tài liệu trong thư viện, phòng tư liệu                                | 3.55                            | 14      | 3.43 | 12      |
| 4                               | KN thu thập tài liệu liên quan đến nội dung học tập                               | 3.61                            | 11      | 3.68 | 9       |
| 5                               | KN tìm kiếm, tra tài liệu trên Internet                                           | 3.05                            | 16      | 2.40 | 16      |
| 6                               | KN sử dụng máy vi tính, ghi âm phục vụ học tập                                    | 2.97                            | 17      | 2.37 | 17      |
| 7                               | KN đọc và phân tích tài liệu học tập                                              | 4.14                            | 1       | 3.86 | 4       |
| 8                               | KN đặt câu hỏi, phê phán, bình luận tài liệu học tập                              | 3.58                            | 13      | 3.06 | 15      |
| 9                               | KN huy động các kiến thức, kinh nghiệm vào việc đọc tài liệu                      | 3.90                            | 5       | 3.92 | 3       |
| 10                              | KN liên kết, vận dụng kiến thức trong tài liệu vào thực tiễn                      | 3.85                            | 7       | 3.79 | 6       |
| 11                              | KN sử dụng các phương tiện (sơ đồ, biểu đồ) để tóm tắt ý chính từng phần tài liệu | 3.76                            | 9       | 3.48 | 11      |
| 12                              | KN ghi chép bài trên lớp và thu thập các thông tin                                | 3.78                            | 8       | 3.77 | 8       |
| 13                              | KN giải thích nội dung tài liệu cho dễ hiểu, dễ nhớ                               | 3.63                            | 10      | 3.79 | 6       |
| 14                              | KN tự đánh giá kết quả học tập của bản thân so với yêu cầu                        | 3.55                            | 14      | 3.42 | 13      |
| 15                              | KN diễn đạt ý kiến trong các buổi thảo luận, trao đổi                             | 3.61                            | 11      | 3.25 | 14      |
| 16                              | KN tổng hợp tài liệu, hình thành các bài thu hoạch                                | 3.95                            | 4       | 4.01 | 2       |
| 17                              | KN viết bài kiểm tra, thi hết môn ở trên lớp                                      | 3.88                            | 6       | 4.22 | 1       |
| ĐTB mức độ cần thiết của các KN |                                                                                   | 3.69                            |         | 3.52 |         |
| Hệ số tương quan Spearman       |                                                                                   | R = 0.837                       |         |      |         |

Ghi chú: Điểm thấp nhất = 1 (rất không cần thiết); cao nhất = 5 (rất cần thiết). ĐTB càng cao thì KN tương ứng được đánh giá là càng cần thiết.

Điều dễ nhận thấy là nhìn chung các KN học được đưa ra để đánh giá đều được các GV và SV đánh giá là cần thiết. Cả 17 KN đều được các GV đánh giá với ĐTB = 3,69 và SV đánh giá với ĐTB = 3,52, tức là đều ở trên mức trung bình.

Xét chi tiết ta thấy trong số 17 KN có một số KN được đánh giá là rất cần thiết và một số ở mức ít cần thiết hơn. Cụ thể các KN: lập kế hoạch tự học, đọc và phân tích tài liệu, huy động kiến thức - kinh nghiệm, tổng hợp tài liệu, viết bài thu hoạch, bài kiểm tra là các KN được đánh giá là rất cần thiết. Tiếp đến là các KN: thực hiện kế hoạch, tìm tra tài liệu, liên kết, vận dụng, sử dụng sơ đồ, biểu đồ, ghi chép bài trên lớp, giải thích nội dung, tự đánh giá kết quả học tập và diễn đạt ý kiến. Nhóm KN được coi là ít cần thiết bao gồm các KN: tìm kiếm tài liệu trên Internet, sử dụng máy vi tính, bình luận và phê phán tài liệu.

SV đánh giá KN lập kế hoạch học tập ở mức độ cần thiết rất cao (49,8%), KN sắp xếp công việc để hoàn thành kế hoạch học tập cũng được SV đánh giá ở mức cần thiết cao – mức 4 và 5. Điều này cho thấy SV đã biết được tầm quan trọng của kế hoạch hoạt động. KN 16, 17: viết bài thu hoạch, bài thi cũng được SV lựa chọn với mức cần thiết cao nhất với 41,7% và 54,5%, (thứ bậc lựa chọn tương ứng là 2 và 1 trên 17 thứ bậc).

Từ bảng kết quả nhận định của SV, GV-CBQL về các KN cần thiết để việc học theo phương thức từ xa có hiệu quả, ta thấy: các nhận định của SV đã phản ánh đúng bản chất các KN học từ xa. Các KN chính để học từ xa có hiệu quả như KN lập kế hoạch học tập, KN đọc và phân tích tài liệu, KN làm bài thi, KN tổng hợp tài liệu đều được SV đánh giá ở thứ bậc cần thiết cao.

Tuy nhiên, có sự khác nhau giữa hai loại ý kiến về một số KN. Chẳng hạn, các KN thu thập tài liệu, KN diễn đạt ý kiến, KN viết bài thi, bài kiểm tra được SV đánh giá là những KN rất cần thiết đối với việc học từ xa. Nhưng những KN này lại không được GV đánh giá cao. Ngược lại, các KN lập kế hoạch học tập, KN đọc và phân tích tài liệu học tập được GV đánh giá cao hơn SV.

## **2. Mức độ hiện có về các KN học từ xa của SV**

Chúng tôi cũng tiến hành khảo sát mức độ hiện có các KN đó ở SV, bằng cách thăm dò ý kiến đánh giá của GV, CBQL và của chính SV, đồng thời quan sát quá trình học của các SV trên lớp và trao đổi ngoài giờ.

**Bảng 2:** Đánh giá của SV và GV-CBQL về mức độ hiện có các KN học theo phương thức từ xa của SV

| Các KN | ĐTB mức độ hiện có của các KN |         |      |         | Các KN                   | ĐTB mức độ hiện có của các KN |         |      |         |  |
|--------|-------------------------------|---------|------|---------|--------------------------|-------------------------------|---------|------|---------|--|
|        | GV-CBQL                       |         | SV   |         |                          | GV-CBQL                       |         | SV   |         |  |
|        | ĐTB                           | Thứ bậc | ĐTB  | Thứ bậc |                          | ĐTB                           | Thứ bậc | ĐTB  | Thứ bậc |  |
| 1      | 2.20                          | 13      | 3.65 | 8       | 10                       | 2.58                          | 4       | 3.80 | 2       |  |
| 2      | 2.37                          | 10      | 3.56 | 9       | 11                       | 2.33                          | 11      | 3.39 | 12      |  |
| 3      | 2.02                          | 15      | 2.91 | 15      | 12                       | 2.85                          | 1       | 4.00 | 1       |  |
| 4      | 2.25                          | 12      | 3.41 | 11      | 13                       | 2.46                          | 7       | 3.47 | 10      |  |
| 5      | 1.64                          | 17      | 1.88 | 17      | 14                       | 2.40                          | 8       | 3.17 | 13      |  |
| 6      | 1.70                          | 16      | 1.89 | 16      | 15                       | 2.72                          | 3       | 3.73 | 5       |  |
| 7      | 2.39                          | 9       | 3.66 | 7       | 16                       | 2.81                          | 2       | 3.75 | 3       |  |
| 8      | 2.15                          | 14      | 3.02 | 14      | 17                       | 2.50                          | 6       | 3.74 | 4       |  |
| 9      | 2.53                          | 5       | 3.71 | 6       | 2.35                     |                               | 3.34    |      |         |  |
|        |                               |         |      |         | R=0,902; $\alpha < 0,01$ |                               |         |      |         |  |

Có thể thấy các KN học được đưa ra nghiên cứu đều được GV và SV đánh giá là có ở SV học từ xa với các mức độ khác nhau. GV đánh giá mức độ hiện có của các KN là dưới mức trung bình (ĐTB = 2.35 / 5.00), còn SV đánh giá ở mức khá thành thạo. (ĐTB = 3.34 / 5.00), điều này cho thấy việc đánh giá của GV là khắt khe hơn dưới góc độ của các nhà sư phạm, còn SV có thể khi đánh giá về mức độ hiện có các KN học từ xa của mình có phần chủ quan. Có thể chia mức độ hiện có các KN học từ xa của SV thành 3 nhóm:

+ Nhóm 1 (mức khá thành thạo) gồm các KN: lập kế hoạch tự học, thực hiện kế hoạch, thu thập tài liệu liên quan, đọc và phân tích tài liệu, huy động kiến thức kinh nghiệm, liên kết vận dụng kiến thức, sử dụng phương tiện, biểu đồ, ghi chép bài trên lớp, giải thích nội dung tài liệu, tổng hợp tài liệu. SV từ xa chủ yếu là GV các cấp nên các KN này SV tỏ ra khá thành thạo, vì đây chính là công việc chuyên môn hàng ngày của SV. Tuy vậy, thực chất của việc thực hiện có hiệu quả các KN này của SV thì GV lại chỉ đánh giá ở mức trung bình và thấp hơn.

+ Nhóm 2 (mức trung bình) gồm các KN: tìm, tra cứu tài liệu, đặt câu hỏi, phê phán bình luận, diễn đạt ý kiến. Đây chính là điểm yếu của SV từ xa của ĐH Huế hiện nay qua thực tế quan sát hoạt động học của SV trong các đợt học tập trung. Thực tế SV chỉ sử dụng giáo trình đã được cấp phát, rất ít tìm kiếm, tra cứu thêm các tài liệu khác; qua quan sát tại các lớp học và trao đổi với các GV chuyên môn, SV rất ít khi đặt câu hỏi hoặc nêu ý kiến của mình về các vấn đề khi học từ xa, khi được yêu cầu trình bày một vấn đề nào đó thường lúng túng và diễn đạt ý kiến rất kém.

+ Nhóm 3 (mức yếu) gồm các KN: tìm tài liệu trên Internet, sử dụng máy ghi âm, máy vi tính. Qua đánh giá của SV, mức kém (mức 1) là 48,2% và 44,5% ở các yếu tố 5 và 6; và của GV - CBQL tương ứng là 62,6% và 57,4%. Kết quả trên cho thấy SV từ xa có mức độ yếu ở các KN học tập với phương tiện và thiết bị hiện đại. Kết quả này trùng với kết quả thu được từ ý kiến của SV và GV-CBQL về mức độ cần thiết của các KN học từ xa (bảng 1 và 2).

So sánh đánh giá của hai nhóm khách thể, ta thấy có những khác biệt. Ví dụ, có một số KN được SV cho rằng mình có ở mức cao, chẳng hạn: KN ghi chép và thu thập thông tin trên lớp (thứ bậc 1), KN liên kết thông tin (thứ bậc 2) thì GV lựa chọn cũng xếp thứ bậc 1 và 4; KN tổng hợp tài liệu, làm bài thu hoạch, KN diễn đạt ý kiến thảo luận SV lựa chọn thứ bậc 3 và 5 còn GV lựa chọn thứ bậc 2 và 3; Các KN học dựa vào các thành tựu và đặc điểm của công nghệ hiện đại, SV tự nhận thấy mình còn ở mức thấp như các KN tìm, tra tài liệu trên mạng, sử dụng thiết bị học tập hiện đại, là những KN phản ánh đặc điểm đặc trưng trong cách học từ xa được SV lựa chọn thứ bậc 16, 17, thì GV cũng đánh giá thấp các KN năng này của SV với thứ bậc tương tự. Đây là vấn đề mà cơ sở đào tạo, GV và SV cần quan tâm bồi dưỡng để có được KN cần thiết cho học từ xa.

Thực tế quan sát ta thấy những nhận xét của GV là có cơ sở. Trong khi giảng bài, GV đặt các câu hỏi thì SV thường tránh né trả lời. Trao đổi ngoài giờ lên lớp, SV cho rằng do e ngại hoặc sợ trả lời không đúng. Cũng qua trao đổi và kiểm tra vở ghi chép học tập, chúng tôi thấy có gần 50% SV đã có vở ghi chép cẩn thận, trả lời các câu hỏi trong giáo trình. Hỏi SV về lịch học bản thân, chúng tôi nhận được câu trả lời: có soạn lịch học cẩn thận nhưng duy trì khó do hoàn cảnh gia đình, hoàn cảnh công tác không thuận lợi.

Để thấy rõ hơn mức độ hiện có của các KN học từ xa ở SV, chúng tôi so sánh với mức độ cần thiết phải có của các KN đó.

Căn cứ vào số liệu thể hiện trong các bảng trên ta thấy: SV tự đánh giá các mức độ hiện có và mức độ cần thiết các KN học từ xa là gần xấp xỉ nhau.

GV đánh giá các mức độ hiện có và mức độ cần thiết các KN học từ xa của SV có sự chênh nhau khá lớn. ĐTB cho các mức độ cần thiết là 3,69 nhưng ĐTB mức độ hiện có các KN học từ xa của SV theo đánh giá của GV là 2,35. Sự chênh lệch 1,34 điểm này cho thấy giữa thực tế (mức độ hiện có) và mức cần thiết (kì vọng) còn một khoảng cách xa. Các KN như: lập kế hoạch học tập, thực hiện kế hoạch học tập, tìm, thu thập tài liệu, đọc và phân tích tài liệu, đặt câu hỏi, tóm tắt tài liệu, làm bài thi, bài kiểm tra là những KN học từ xa có độ chênh lệch điểm đánh giá giữa hai mức lớn. Vì vậy, trong các câu hỏi thăm dò ý kiến tiếp theo, GV đều có những yêu cầu về phương pháp, nội dung và thời gian để bồi dưỡng, huấn luyện các KN học cho SV nhằm nâng cao chất lượng học từ xa.

Tóm lại, qua kết quả khảo sát thực trạng về KN và mức độ hiện có các KN học chủ yếu của SV đào tạo từ xa, chúng tôi có một số nhận xét sau:

- + KN học tập cần thiết cho SV đại học theo hình thức đào tạo từ xa mới chỉ ở mức trung bình và thấp .

- + Các KN sử dụng các công cụ, phương tiện học tập hiện đại như máy tính, Internet SV còn rất yếu, thậm chí chưa biết sử dụng. Đây chính là điểm yếu mà đào tạo từ xa muốn phát triển như ở các nước tiên tiến về giáo dục cần phải quan tâm. Đó là cơ sở hạ tầng mạng thông tin và KN sử dụng chúng của người dân.